Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: CK02/ STF/ 2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Minh Đức, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: +84 221 3 94 88 18 Fax: +84 221 3 94 88 18

Email: customercare@santa.com.vn Website: santa.com.vn

Hotline: + 0246 6666 076

Mã số doanh nghiệp: 0107 467 527

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000478/ 2017/ ATTP- CNĐK- Ngày cấp: 26/5/2017- Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm

II. Thông tin về sản phẩm

1. Sản phẩm: **MERRY – Geo bánh quy ca cao kem vị Sôcôla**

Thành phần: Bột mỳ, đường, dầu cọ, chất béo thực vật (cọ và hạt cọ), bột cacao (> 4%), bột whey, đường gluco, mạch nha, chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)), muối, chất nhũ hóa (322), hương thực phẩm tổng hợp (sôcôla, vani), chất ổn định (422).

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất), sử dụng trực tiếp, bảo quản sản phẩm ở nơi khô, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh và tránh ánh nắng trực tiếp.
3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Được đóng gói kín trong bao bì màng giấy cuộn OPP/MCPP hoặc nhựa tổng hợp. Bao bì đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

   Khối lượng tịnh: 40g/ gói, 480g/ hộp, 960g/ hộp, 240g/ hộp.

   Mẫu nhãn sản phẩm (*Đính kèm nhãn sản phẩm*)

M.S.D.N: 0107467527 CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA H. MỸ HÀO - T. HƯ

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hoàng hóa.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm".
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".
- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 7 tháng 7 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107467320 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA H. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Hồng Thái

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HƯNG YÊN	NHÓM SẢN PHẨM	Số: CK02/ STF/ 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA	**MERRY – Geo bánh quy ca cao kem vị sôcôla.**	Có hiệu lực từ Ngày … tháng … năm 2018

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

+ Trạng thái: Dạng hình tròn, giòn, có kẹp kem ở giữa 2 bánh
+ Màu sắc: Vỏ bánh màu nâu đen, kem bánh màu nâu sôcôla.
+ Mùi: Thơm mùi thơm đặc trưng, không có mùi mốc, mùi lạ.
+ Vị: Ngọt, béo đặc trưng, không có vị lạ.
+ Tạp chất: Không có tạp chất.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: *Theo quyết định số 46/2007/QĐ – BYT của Bộ Trưởng Bộ Y Tế ngày 19/12/2007*

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
2	E.Coli	MPN/g	3
3	Coliforms	CFU/g	10
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	10
5	Bacillus cereus	CFU/g	10
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10
7	Tổng số TB nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2
8	Samonella	CFU/25g	Không phát hiện

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: *Theo QCVN 8-2: 2011/BYT.*

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Pb	mg/kg	0,2
2	Cd	mg/kg	0,1

1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: *Theo QCVN 8-1: 2011/BYT*

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2)	µg/kg	4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	50
5	Hàm lượng Deoxynivalenol (DON)	µg/kg	500

Hưng Yên, ngày 1 tháng 1 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107467527 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA ★ H. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

NGÔ HỒNG THÁI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
LABO XÉT NGHIỆM ATVSTP
Số 229 - Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương
Điện thoại: 02203.892.638 Fax: 03203.891897
Website: www.lab-hmtu.vn
Email: Laboxnatvstp@hmtu.edu.vn

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 213-2/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/*Name of Sample*: Merry – Geo bánh quy ca cao kem vị Socola/ Mery – Geo dark cocoa cookies with chocolate flavored cream

Mã số/*Code*: 0518213-2

Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 mẫu/ *01 sample*

Tình trạng mẫu/*Conditional keeping*: Mẫu được đóng gói kín/ *packaged sample*

Người/Đơn vị gửi mẫu/*Customer*: Công ty cổ phần thực phẩm Santa (*Santa food joint stock company)*

Địa chỉ/ *Add*: Xã Minh Đức – KCN Minh Đức – Mỹ Hào – Hưng Yên (*Minh Duc Industrial Park, Minh Duc Ward, My Hao District, Hung Yen Province, Viet Nam.)*

Ngày gửi mẫu/*Date of receiving* : 13/5/2018

Thời gian kiểm nghiệm/ *Testting time*: Từ 13/5/2018 đến ngày 28/5/2018/ *from may 13th 2018 to may 28th 2018*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM *(Test Result)*

TT	Chỉ tiêu*(Specification)*	Đơn vị *(Unit)*	Phương pháp *(Test method)*	Kết quả *(Result)*
1.	Tổng số vsv hiếu khí * *total aerobic microorganisms*	CFU/g	TCVN 4884:2007	$2,2x10^3$
2.	Tổng số *E.coli* * *Total E.coli*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH Not detected
3.	Tổng số *Coliform** Total *Coliform**	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH Not detected
4.	Định lượng *Staphylococcus.aureus** *Staphylococcus.aureus**	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH Not detected
5.	Định lượng *Bacilluss cereus* * *Bacilluss cereus* *	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH Not detected
6.	Định lượng nấm men – nấm mốc* *Yeasts and moulds*	CFU/g	TCVN 8275-1:2010	KPH Not detected
7.	Định lượng *Clostridium perfingens* *Clostridium perfingens*	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH Not detected

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
LABO XÉT NGHIỆM ATVSTP
Số 229 - Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương
Điện thoại: 02203.892.638 Fax: 03203.891897
Website: www.lab-hmtu.vn
Email: Laboxnatvstp@hmtu.edu.vn

VILAS 492

8.	Phát hiện *Salmonella* *Salmonella*	/25g	TCVN 4829:2005	**KPH** **Not detected**
9.	Hàm lượng chất béo *Lipid Content*	%	TCVN 4592 -1988	**20,3**
10.	Hàm lượng chất béo no *Saturated lipid content*	g/100g	AOAC 966.17	**7,5**
11.	Hàm lượng Cholesterol *Cholesterol content*	mg/100g	AOAC 970.51	**KPH** **Not detected**
12.	Tổng Cacbohydrate *Carbonhydrate total*	%	TCVN 4594 -88	**70,3**
13.	Hàm lượng đường tổng *Total sugar content*	%	TCVN 4594 -88	**44,4**
14.	Hàm lượng chất xơ Fiber content	%	TCVN 5103:1990	**1,5**
15.	Hàm lượng protein *Protein content*	%	AOAC 981.10	**6,1**
16.	Hàm lượng Vitamin C *Vitamin C content*	mg/100g	HPLC	**KPH** **Not detected**
17.	Hàm lượng Vitamin A *Vitamin A content*	mcg/100g	HPLC	**77,6**
18.	Hàm lượng canxi *Calcium content*	mg/100g	HPP/41	**31**
19.	Hàm lượng Sắt *Iron content*	mg/100g	AOAC 999.11	**4,2**
20.	Hàm lượng Natri *Sodium content*	mg/100g	TCVN 6269:2008	**260**
21.	Năng lượng *Energy*	Kcal	HPP46	**489**
22.	Chỉ số acid *Acid index*	mg/g	TCVN 6127 -1996	**0,2**
23.	HL tro không tan trong HCl 10% *Insoluble ash in HCl 10%*	%	TCVN 7765:2007	**0,1**
24.	Độ ẩm *Moiture*	%	HPP/13	**2,0**

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
LABO XÉT NGHIỆM ATVSTP
Số 229 - Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương
Điện thoại: 02203.892.638 Fax: 03203.891897
Website: www.lab-hmtu.vn
Email: Laboxnatvstp@hmtu.edu.vn

VILAS 492

25.	Peroxit *Peroxide*	meqO2/kg	TCVN 6121:2010	**KPH** **Not detected**
26.	Melamin *Melamine*	µg/100g	LC/MS/MS	**KPH** **Not detected**
27.	Cadimi *Cadimi*	mg/kg	AOAC/AAS	**KPH** **Not detected**
28.	Chì *Lead*	mg/kg	AOAC/AAS	**0,003**
29.	Aflatoxin tổng số *Total aflatoxin*	µg/kg	TCVN 8350 :2010	**KPH** **Not detected**
30.	Aflatoxin B1 *Aflatoxin B1*	µg/100g	AOAC 991.31	**KPH** **Not detected**
31.	Orchatoxin A *Orchatoxin A*	µg/100g	AOAC 2000.09	**KPH** **Not detected**
32.	Deoxynivanelon *Deoxynivanelon*	µg/100g	AOAC 986.18	**KPH** **Not detected**
33.	Zearalenone *Zearalenone*	µg/100g	LC/MS/MS	**KPH** **Not detected**
34.	Định danh phẩm màu *Color determination*	mg/kg	HPLC	**KPH** **Not detected**
35.	Kali sorbate *Kali sorbate*	mg/kg	TCVN 8122:2009	**KPH** **Not detected**
36.	Kali benzoate *Kali benzoate*	mg/kg	TCVN 8122:2009	**KPH** **Not detected**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 11 -07- 2018
Số chứng thực 6532 Quyển số: 02 SCT/BS

KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)

Hải Dương, ngày 28 tháng 5 năm 2018

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG/LEADER **Labo XNATVSTP**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

ThS./Master Hoàng Thị Thu Huyền

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Trần Quang Cảnh

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VINH HÒA

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tiến Vinh

Merry – GEO bánh quy cacao kem vị Socola 40 g

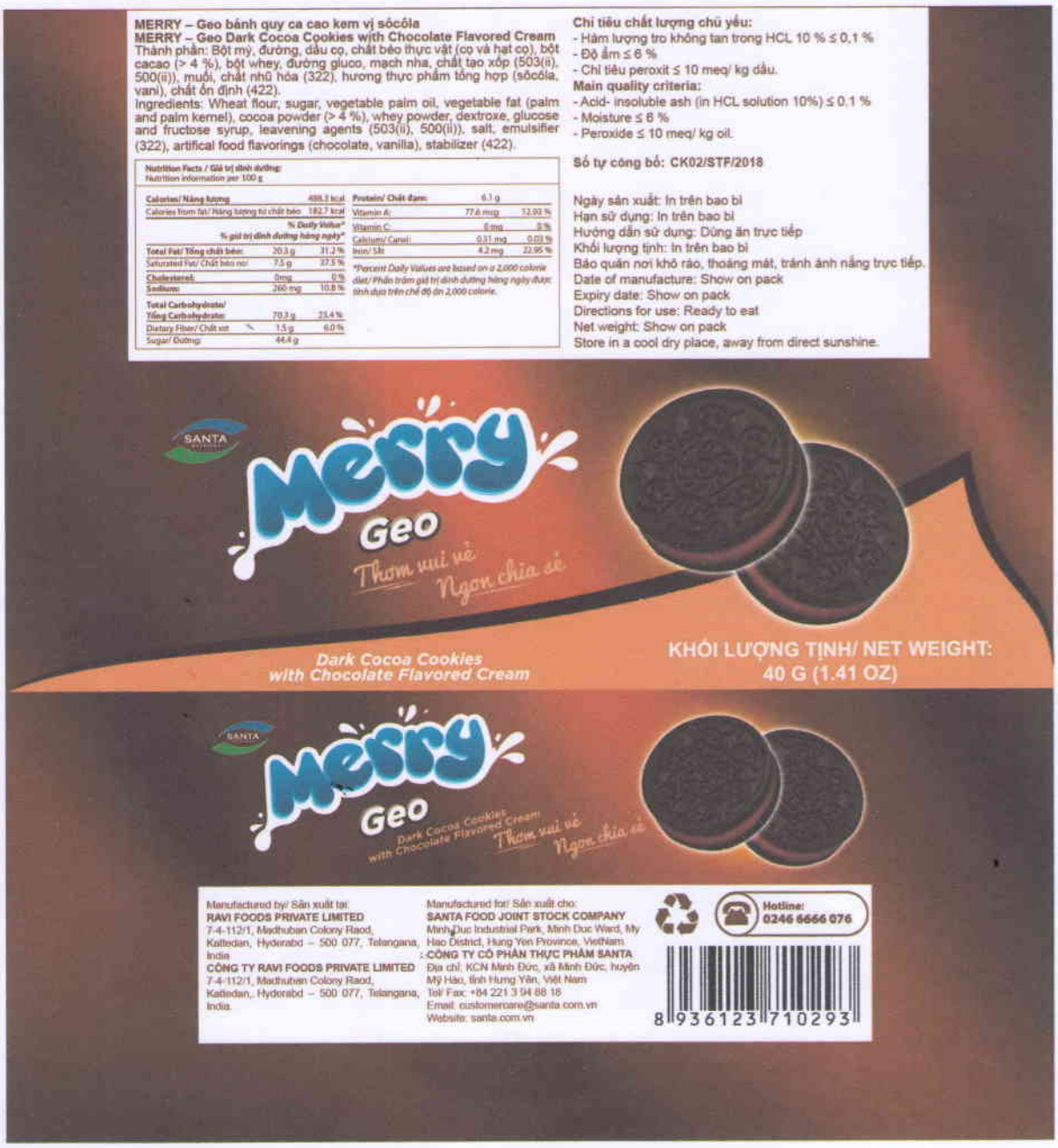

Merry – GEO bánh quy cacao kem vị Socola 480 g

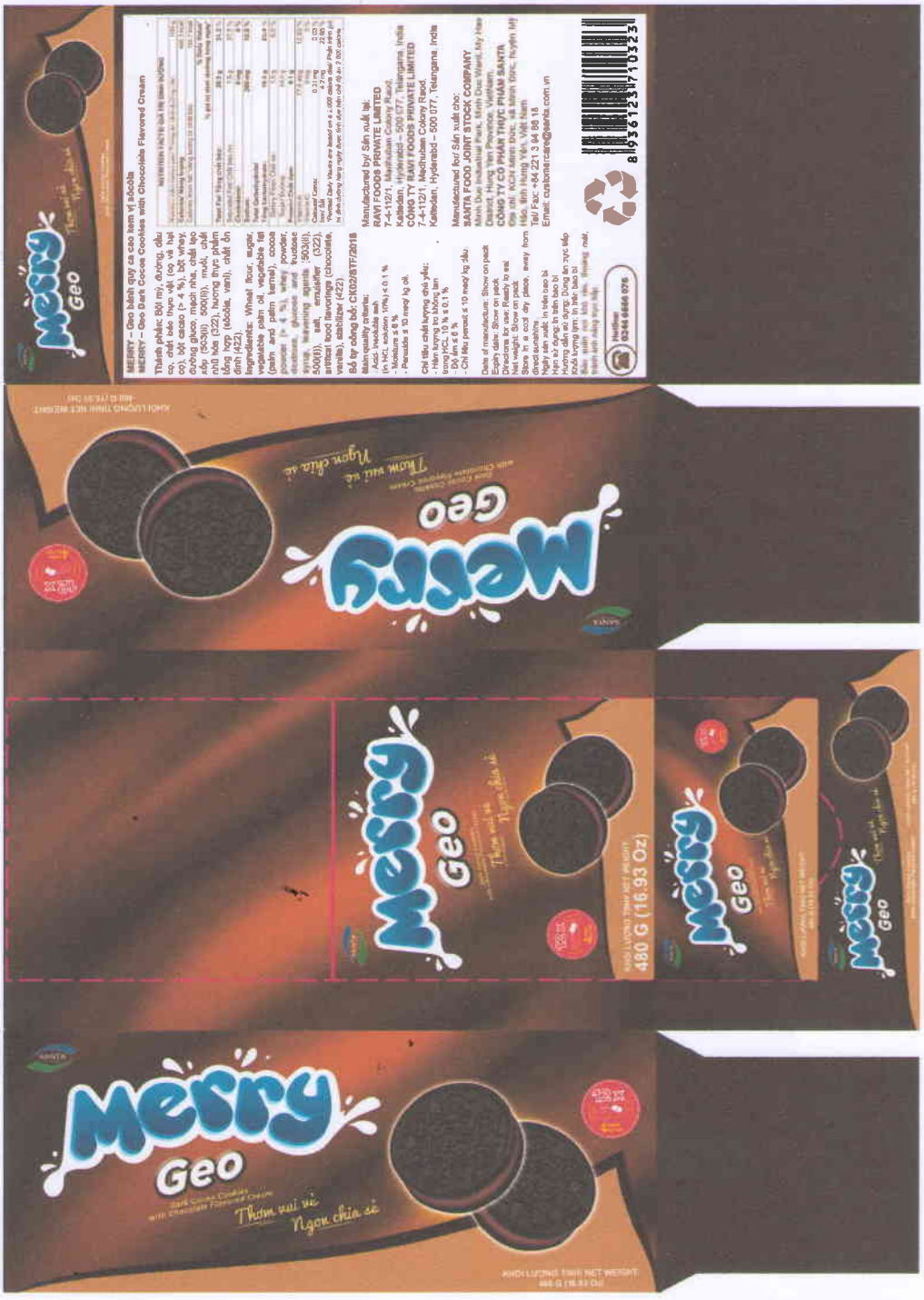

Merry – GEO bánh quy cacao kem vị Socola 960 g